TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2019/DS-ST
Ngày: 18-9-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 69/2019/TLST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2019/HPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở chính: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền số: 1218/2018/UQ-TTT ngày 16/7/2018.

- *Bị đơn:* Ông X, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng T, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 15/9/2014 ông X có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa

credit Platinum 436438-9595 với hạn mức sử dụng là 300.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng đến ngày 01/10/2014 ông X đăng ký thêm thẻ JCB car card Gold 356481-3048 với hạn mức sử dụng chung là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 543.035.821 đồng (trong đó thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 là 385.741.599 đồng và thẻ JCB car card Gold 356481-3048 là 157.294.222 đồng). Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 497.978.427 đồng (trong đó thanh toán cho thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 là 330.480.865 đồng và thanh toán thẻ JCB car card Gold 356481-3048 là 167.497.562 đồng. Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông X (cụ thể thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 chấm dứt ngày 16/12/2017; thẻ JCB car card Gold 356481-3048 chấm dứt ngày 06/01/2018); đồng thời đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,225%/ tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,15%/tháng).

Tính đến ngày 18/9/2019, ông X còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 330.312.503 đồng, lãi quá hạn là 232.687.584 đồng. Tổng cộng là 563.000.087 đồng.

Do đó Ngân hàng T yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông X phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2019 là 563.000.087 đồng, trong đó: nợ gốc là 330.312.503 đồng, lãi quá hạn là 232.687.584 đồng.

- Ông X có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông X không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc T cho ông X mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10. Theo

quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng T có giấy ủy quyền cho ông T đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông T; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông X, có địa chỉ thường trú tại Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 15/9/2014 ông X có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa credit Platinum 436438-9595 với hạn mức sử dụng là 300.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng đến ngày 01/10/2014 ông X đăng ký thêm thẻ JCB car card Gold 356481-3048 với hạn mức sử dụng chung là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 543.035.821 đồng (trong đó thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 là 385.741.599 đồng và thẻ JCB car card Gold 356481-3048 là 157.294.222 đồng). Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 497.978.427 đồng (trong đó thanh toán cho thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 là 330.480.865 đồng và thanh toán thẻ JCB car card Gold 356481-3048 là 167.497.562 đồng. Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông X (cụ thể thẻ Visa credit Platinum 436438-9595 chấm dứt ngày 16/12/2017; thẻ JCB car card Gold 356481-3048 chấm dứt ngày 06/01/2018); đồng thời đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,225%/ tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,15%/tháng).

Tính đến ngày 18/0/2019, ông X còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 330.312.503 (Ba trăm ba mươi triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm linh ba) đồng, lãi quá hạn là 232.687.584 (Hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi tư) đồng. Tổng cộng: 563.000.087 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy đồng).

Do đó Ngân hàng T yêu cầu Tòa giải quyết:

- Buộc ông X phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2019 là 563.000.087 (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc là 330.312.503 (Ba trăm ba mươi triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm linh ba) đồng, lãi quá hạn là 232.687.584 (Hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi tư) đồng.

- Ông X có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng T yêu cầu tòa án xét xử, buộc ông X phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2019 là 563.000.087 (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy) đồng và ông X phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280; khoản 1 Điều 357; Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T:

Ông X phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 18/9/2019 là 563.000.087 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy đồng) và ông X phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ 19/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 26.520.003 (Hai mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn không trăm linh ba) đồng, ông X phải chịu.

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 10.094.303 (Mười triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm linh ba) đồng cho Ngân hàng

T, theo biên lai thu số AA/2017/0015423 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn